

Số: 1114 /SDTTU - ĐTKH
V/v: Tuyển nghiên cứu sinh khoá 43 năm 2023

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2023

THÔNG BÁO TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH TIẾN SĨ NĂM 2023

Kính gửi:

- Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- Các Viện nghiên cứu Y, Dược học;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng Y, Dược;
- Các Bệnh viện Trung ương;
- Các Sở Y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, các Bệnh viện tỉnh/thành phố;
- Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các tỉnh/thành phố;
- Chi cục An toàn Vệ sinh thực phẩm các tỉnh/thành phố;
- Các tổ chức, đơn vị làm công tác quản lý, nghiên cứu và chăm sóc sức khỏe.

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ kế hoạch, chỉ tiêu tuyển nghiên cứu sinh tiến sĩ khoá 43 năm 2023 của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;

Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương thông báo tuyển nghiên cứu sinh tiến sĩ khoá 43 năm 2023 như sau:

I. NGÀNH ĐÀO TẠO, MÃ SỐ VÀ DỰ KIẾN CHỈ TIÊU TUYỂN SINH:

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh
1	Dịch tễ học	9 72 01 17	4
2	Y học dự phòng	9 72 01 10	4
3	Khoa học y sinh	9 72 01 01	3
4	Y tế công cộng	9 72 07 01	7
5	Quản lý y tế	972 08 01	8
6	Vi sinh vật học	9 42 01 07	4
	Tổng chỉ tiêu		30

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO:

1. Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên thuộc ngành/chuyên ngành đúng hoặc phù hợp với ngành tuyển sinh:

- Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Thí sinh có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành đúng/phù hợp với ngành tuyển sinh (Danh mục ngành/chuyên ngành đúng, phù hợp xem tại phụ lục 1):

- Thời gian đào tạo: 3-4 năm

III. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH:

- Kết hợp xét tuyển hồ sơ và đánh giá đề cương nghiên cứu.

IV. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN:

Thí sinh dự tuyển cần đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ngành phù hợp với ngành đào tạo đăng ký;

2. Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

3. Có dự thảo đề cương nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

4. Trình độ ngoại ngữ:

4.1. Thí sinh là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

c) Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 2 của Thông báo này còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

4.2. Thí sinh là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài.

5. Có đủ sức khỏe để học tập.

6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Viện (đóng học phí hàng năm theo quy định).

V. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN:

1. Đối tượng ưu tiên: Thí sinh được ưu tiên trong tuyển sinh thuộc những đối tượng sau:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có

quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Mục này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Chính sách ưu tiên:

Thí sinh thuộc đối tượng ưu tiên được cộng thêm 10 điểm (thang điểm 100) cho tổng số điểm. Thí sinh thuộc nhiều đối tượng ưu tiên cũng chỉ được hưởng một lần ưu tiên.

VI. LỆ PHÍ DỰ TUYỂN:

- Lệ phí đăng ký dự tuyển: 60.000 đồng/thí sinh/hồ sơ.
- Lệ phí tiếp nhận và xử lý hồ sơ: 200.000 đồng/thí sinh.

VII. HỌC PHÍ ĐÀO TẠO:

Học phí đào tạo trình độ tiến sĩ của Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương được thu theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

VIII. THỜI GIAN XÉT TUYỂN:

- Nhận hồ sơ dự tuyển: từ ngày 03/7/2023 đến ngày 31/8/2023 (trong giờ hành chính, trực tiếp hoặc theo dấu bưu điện).

- Thời gian xét tuyển dự kiến: tháng 10-11/2023.

- Thời gian công bố kết quả: trong vòng 1 tháng kể từ ngày tổ chức xét tuyển.

IX. HỒ SƠ DỰ TUYỂN:

Mỗi thí sinh **nộp 01 bộ đăng ký dự tuyển** đựng trong phong bì hồ sơ A4, các giấy tờ trong túi hồ sơ xếp theo thứ tự sau đây:

1. Phiếu đăng ký dự xét tuyển (theo mẫu BM01).

2. Bản sao văn bằng, chứng chỉ có công chứng:

- Bằng tốt nghiệp đại học, bằng điểm đại học; bằng thạc sĩ, bằng điểm thạc sĩ;
- Văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định.

Lưu ý: Trường hợp thí sinh có văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp: bằng và bằng điểm phải được công chứng sang tiếng Việt và có văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Lý lịch khoa học (theo mẫu BM02).

4. Sơ yếu lý lịch tự thuật, có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú (theo mẫu tại phụ lục 3, có dán ảnh).

5. Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học (tối thiểu 1 trong 3 minh chứng dưới đây):

- Các giấy tờ minh chứng về luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu;

- Bài báo, báo cáo khoa học đã công bố, gồm: trang bìa tạp chí, mục lục và toàn văn bài báo;

- Giấy tờ chứng minh thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

Khuyến khích các thí sinh có nhiều minh chứng về kinh nghiệm nghiên cứu khoa học: bài báo, đề tài nghiên cứu khoa học các cấp...

6. Đề cương nghiên cứu (theo hướng dẫn tại phụ lục 4).

7. Bản kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa dự kiến (theo mẫu tại phụ lục 5).

8. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập do một cơ sở khám chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 6 tháng.

9. Minh chứng đối tượng ưu tiên và các hồ sơ liên quan khác (nếu có).

Hồ sơ không đầy đủ các loại văn bản nêu trên sẽ không được Hội đồng tuyển sinh xét duyệt. Không chấp nhận bổ sung hồ sơ, văn bằng chứng chỉ, công trình công bố sau khi dự tuyển.

Hồ sơ và lệ phí tuyển sinh không hoàn lại nếu thí sinh không tham gia dự tuyển.

Biểu mẫu, phụ lục kèm theo xem trên website: <http://www.nihe.org.vn>

X. ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ:

**Phòng Đào tạo Sau đại học – Trung tâm Đào tạo và Quản lý khoa học -
Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương**

Số 1 Phố Yersin – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội

ĐT: (024) 38.211.631

Website: <http://www.nihe.org.vn>

Kính đề nghị Quý Cơ quan thông báo nội dung xét tuyển nghiên cứu sinh khoá 43 năm 2023 cho các cơ sở trực thuộc để các cán bộ y tế có nguyện vọng hoàn tất thủ tục đăng ký dự tuyển đúng thời hạn.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, ĐTKH.

**PHÓ VIỆN TRƯỞNG
PHỤ TRÁCH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH**



Đương Thị Hồng

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH NĂM

Họ và tên người đăng ký: Dân tộc:

Ngày, tháng, năm sinh: Giới tính:

Nơi sinh:

Quê quán:

Cơ quan công tác:

Điện thoại nhà riêng: Điện thoại cơ quan:

Điện thoại di động: Email:

Ngành đăng ký dự tuyển: Mã số:

Thời gian đào tạo: 3 năm:

4 năm:

Trình độ ngoại ngữ:

Năm tốt nghiệp đại học: Chuyên ngành: Nơi tốt nghiệp:

Năm tốt nghiệp cao học: Chuyên ngành: Nơi tốt nghiệp:

Thâm niên công tác:

Tôi xin đảm bảo những điều ghi trên đây là đúng sự thật, tự nguyện đăng ký dự xét tuyển nghiên cứu sinh và cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Cơ sở đào tạo và Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi được công nhận trúng tuyển nghiên cứu sinh.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho người dự tuyển nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: Giới tính:

Ngày tháng năm sinh: Nơi sinh:

Số CMT/thẻ CCCD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Quê quán: Dân tộc:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi cử đi học:

.....

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ hiện nay:

.....

Điện thoại nhà riêng: Điện thoại cơ quan:

Email: Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Trung học chuyên nghiệp:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: đến

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

2. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: đến

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Ngày và nơi bảo vệ đồ án, luận án hoặc thi tốt nghiệp:

.....

Người hướng dẫn:

3. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: đến

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên luận văn:

.....

.....

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

4. Tiến sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: đến

Tại:

Ngành học:

Tên luận án:

Ngày và nơi bảo vệ luận án:

Người hướng dẫn:

5. Trình độ ngoại ngữ (biết ngoại ngữ gì, mức độ):

6. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp; số bằng; ngày và nơi cấp:

III. Quá trình công tác chuyên môn kể từ khi tốt nghiệp đại học:

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. Các công trình khoa học đã công bố:

.....
.....
.....
.....
.....

Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan , ngày tháng năm 20...

(đối với người dự tuyển là công chức, viên chức)

Người khai

(Ký và ghi rõ họ tên)

BỘ Y TẾ
VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG

CÁC QUY ĐỊNH VỀ VĂN BẰNG CHO CÁC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

ST T	Ngành, mã số	Ngành tốt nghiệp ngành đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/trình độ bậc 7 không phải bổ sung học phần ở trình độ thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/trình độ bậc 7 học phần thạc sĩ		Chuẩn đầu vào bổ sung của ngành
				Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/ trình độ bậc 7	Học phần ThS cần bổ sung sau khi trúng tuyển (Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ)	
1	Dịch tễ học - 9 72 01 17	Y học	Dịch tễ học	Các ngành khác thuộc nhóm ngành Y học trong danh mục ngành đào tạo ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	1. Dịch tễ học nâng cao 2. Dịch tễ học các bệnh phổ biến 3. Thống kê và tin học y học 4. Sức khỏe môi trường	
2	Y học dự phòng - 9 72 01 10	Y học	Y học dự phòng	Các ngành khác thuộc nhóm ngành Y học trong danh mục ngành đào tạo ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	1. Dịch tễ học các bệnh lây và không lây 2. Dinh dưỡng và Vệ sinh an toàn thực phẩm 3. Sức khỏe môi trường 4. Sức khỏe nghề nghiệp	
3	Khoa học y sinh - 9 72 01 01	Y học	Vi sinh y học, Khoa học y sinh	Đi ứng - Miễn dịch, Dược lý và độc chất, Lý sinh y học, Hóa sinh y học, Ký sinh trùng và côn trùng y học, Huyết học và truyền máu, Mô phôi thai học, Sinh lý bệnh, Sinh lý học, Y học dự phòng, Y học nhiệt đới, Y sinh học di truyền, Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới, và các ngành học khác có liên quan.	1. Sinh học phân tử tế bào 2. Vi sinh y học 3. Miễn dịch học	

ST T	Ngành, mã số	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/trình độ bậc 7 không phải bổ sung học phần ở trình độ thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/trình độ bậc 7 cần bổ sung học phần thạc sĩ		Chuẩn đầu vào bổ sung của ngành
				Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/trình độ bậc 7	Học phần ThS cần bổ sung sau/khi trúng tuyển (Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ).	
4	Quản lý y tế - 9 72 08 01	Các ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe và các lĩnh vực còn lại trong danh mục ngành đào tạo ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022	Quản lý y tế, Quản lý bệnh viện, Y học dự phòng, Y tế công cộng	Các ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe và các lĩnh vực còn lại trong danh mục ngành đào tạo ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.	1. Quản lý y tế 2. Chính sách y tế 3. Quản lý chất lượng 4. Tổ chức hệ thống y tế	Thí sinh có bằng đại học hoặc thạc sĩ không thuộc lĩnh vực Sức khỏe trong danh mục ngành đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Thông tư 09/2022 phải có: 1. Chứng chỉ trong chương trình bổ sung kiến thức ngành Quản lý y tế do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày xét tuyển; 2. Có ít nhất 2 năm công tác trong lĩnh vực y tế.

ST T	Ngành, mã số	Ngành tốt nghiệp đại học	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/trình độ bậc 7 không phải bổ sung học phần ở trình độ thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/trình độ bậc 7 học phần thạc sĩ		Chuẩn đầu vào bổ sung của ngành
				Ngành tốt nghiệp thạc sĩ/trình độ bậc 7	Học phần ThS cần bổ sung sau khi trúng tuyển (Tên môn học và chứng chỉ theo quy định của cơ sở đào tạo Thạc sĩ)	
5	Y tế công cộng – 9 72 07 01	Các ngành thuộc lĩnh vực Sức khỏe và các lĩnh vực còn lại trong danh mục ngành đào tạo ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022	Y tế công cộng, Dịch tế học, Y học dự phòng	Các ngành khác thuộc lĩnh vực Sức khỏe và các lĩnh vực còn lại trong danh mục ngành đào tạo ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.	1. Dịch tế học 2. Thống kê y học 3. Tổ chức và quản lý y tế 4. Chọn 1 trong 4 môn sau: - Sức khỏe nghề nghiệp - Sức khỏe môi trường - Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm - Giáo dục và nâng cao sức khỏe.	Thí sinh có bằng đại học hoặc thạc sĩ không thuộc lĩnh vực Sức khỏe trong danh mục ngành đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Thông tư 09/2022 phải có: 1. Chứng chỉ trong chương trình bổ sung kiến thức ngành Y tế công cộng do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp trong thời hạn 5 năm tính đến ngày xét tuyển; 2. Có ít nhất 2 năm công tác trong lĩnh vực y tế.
6	Vì sinh vật học – 9 42 01 07	Sinh học, Công nghệ sinh học, Sư phạm sinh học, Kỹ thuật y học, Thú y và các ngành học khác có liên quan	Vì sinh vật học, Vi sinh y học, Khoa học y sinh	Các ngành khác thuộc lĩnh vực Khoa học sự sống và các ngành có liên quan đến nhóm ngành Sinh học trong danh mục ngành đào tạo ban hành theo Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022.	Chọn 4 học phần trong các học phần sau: 1. Sinh học phân tử tế bào 2. Công nghệ sinh học VSV 3. Vi sinh vật học phân tử 4. Vi sinh vật học môi trường 5. Trao đổi chất ở vi sinh vật 6. Công nghệ protein tái tổ hợp 7. Công nghệ chế tạo sinh phẩm chân đoán	

Phụ lục 2

1. Các chứng chỉ Ngoại ngữ được sử dụng làm minh chứng cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển

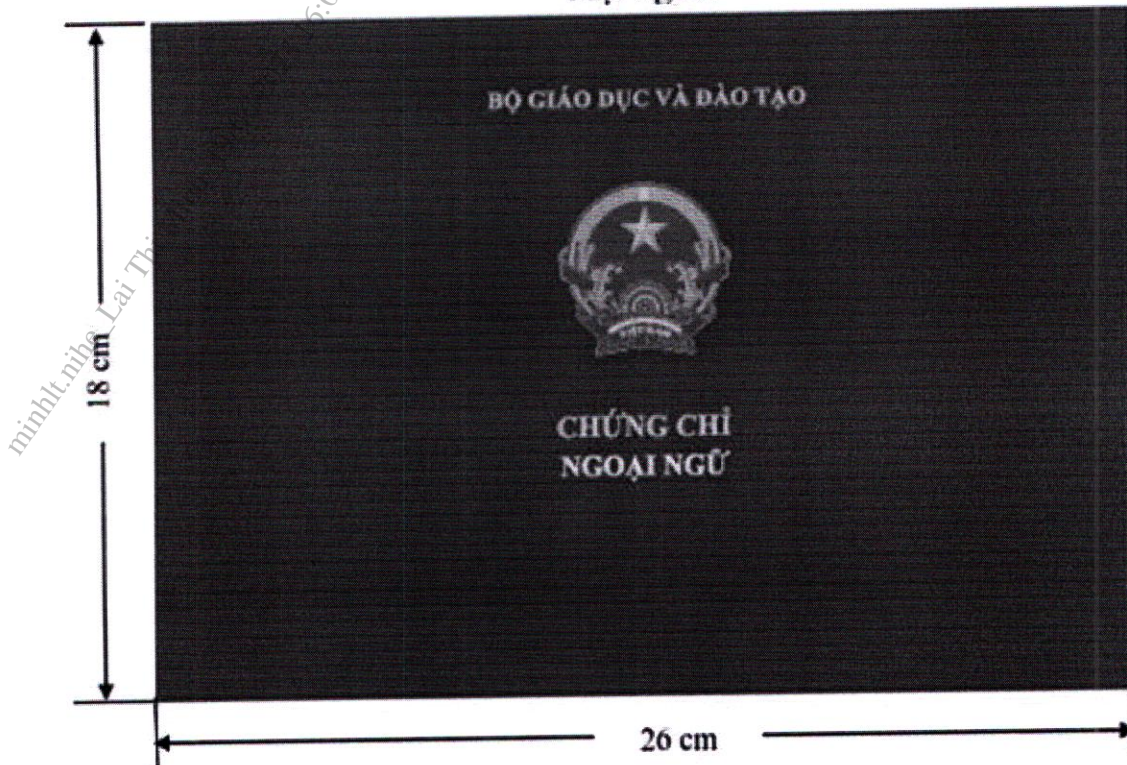
STT	Ngôn ngữ	Bảng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/ B2 Business Vantage/ Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
		Aptis ESOL	B2
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELFB2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

2. Chứng chỉ năng lực ngoại ngữ đủ điều kiện nộp hồ sơ dự tuyển được quy định như sau:

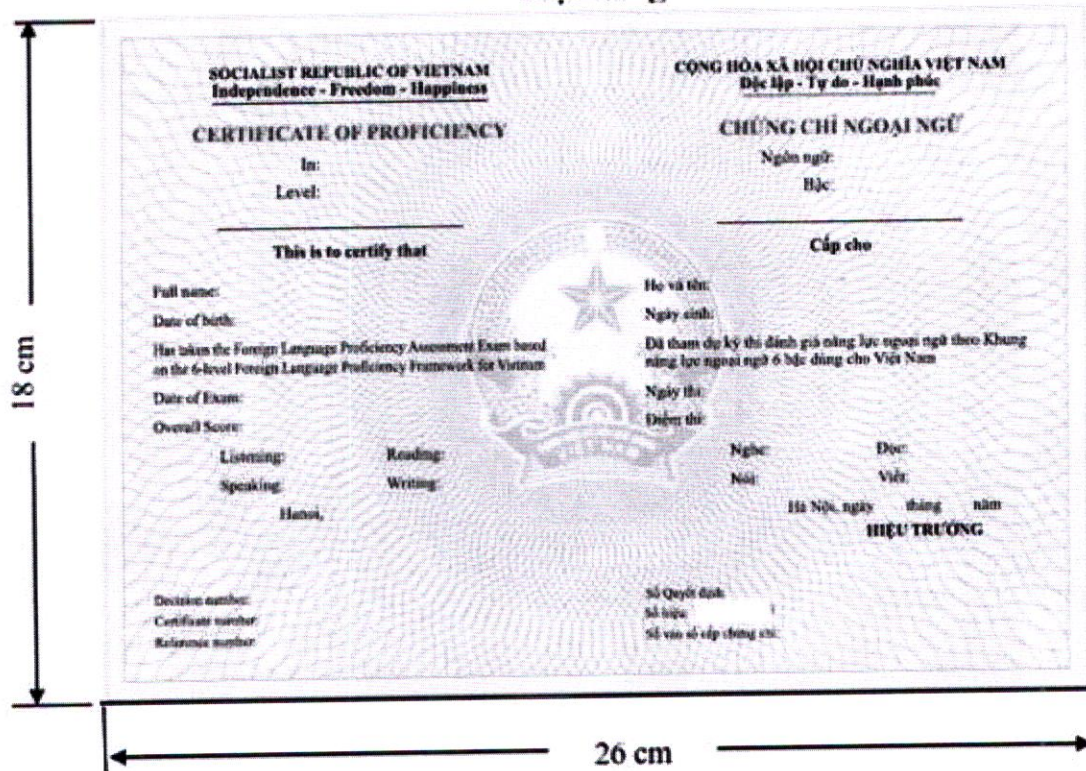
2.1. Các chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài được cấp trước ngày 10/9/2022 (là ngày bắt đầu hiệu lực thi hành của Thông tư số 11/2922/TT-BGDĐT ngày 26/07/2022 Quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài) và còn thời hạn 02 năm tính đến ngày thí sinh nộp hồ sơ dự tuyển;

2.5. Mẫu chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông báo số 691/QLCL-QLVBCC ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mặt ngoài



Mặt trong



ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Đề cương đóng bìa mềm, sử dụng font chữ Times New Roman, cỡ 13-14 của hệ soạn thảo Winword, mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ, giãn dòng đặt chế độ 1,5 lines; lề trên 3,5 cm; lề dưới 3,0 cm; lề trái 3,5 cm; lề phải 2,0 cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy. Trang bìa được trình bày theo mẫu ở trang sau.

Đề cương gồm những nội dung chính sau:

1. **Đặt vấn đề:** Tóm lược những nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài, ý nghĩa thời sự và thực tiễn của đề tài nghiên cứu. Giả thiết và mục tiêu nghiên cứu của đề tài.
2. **Tổng quan:** Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài luận án; nêu những vấn đề còn tồn tại; chỉ ra những vấn đề mà đề tài luận án cần tập trung nghiên cứu, giải quyết.
3. **Phương pháp nghiên cứu:**
 - Đối tượng/địa điểm/thời gian nghiên cứu.
 - Thiết kế nghiên cứu, cỡ mẫu, chọn mẫu, biến số nghiên cứu, kỹ thuật thu thập thông tin.
 - Tổ chức thực hiện.
 - Không chế sai số.
 - Đạo đức trong nghiên cứu.
4. **Dự kiến Kết quả**
5. **Dự kiến Bàn luận**
6. **Dự kiến Kết luận**
7. **Dự kiến Kiến nghị.**
8. **Danh mục tài liệu tham khảo:** chỉ bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng trong đề cương.
9. **Kế hoạch nghiên cứu:**
 - Kế hoạch về tiến độ thực hiện.
 - Kế hoạch về tài chính.

Lưu ý: Không ghi tên cán bộ hướng dẫn dự kiến đề nghị trong đề cương

MẪU TRANG BÌA ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

VIỆN VỆ SINH DỊCH TỄ TRUNG ƯƠNG (Chữ 16)



HỌ VÀ TÊN THÍ SINH
(Chữ 16)

TÊN ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU
(Chữ 18)

Ngành: (Chữ 14)

Mã số: (Chữ 14)

ĐỀ CƯƠNG DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
(Chữ 16)

HÀ NỘI – 20.....(Chữ 14)

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	<i>Các học phần bổ sung mặt bằng thạc sĩ (nếu có)</i>	<i>04 học phần</i>	<i>Chứng chỉ môn học</i>
	<i>Các học phần tiến sĩ</i>	<i>04 học phần = 12 tín chỉ</i>	<i>Bảng điểm học phần</i>
Năm thứ 2	<i>Thực hiện phần 1 của Luận án</i>	<i>đến 24 tín chỉ</i>	<i>Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ...</i>
Năm thứ 3	<i>Thực hiện phần 2 của Luận án</i>	<i>đến 30 tín chỉ</i>	<i>Luận án và các bài công bố, ...</i>
Năm thứ 4	<i>Thực hiện phần 3 của Luận án</i>	<i>Số tín chỉ còn lại của chương trình đào tạo (3/4 năm)</i>	<i>Luận án và các bài công bố, ...</i>

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. NCS căn cứ vào chương trình đào tạo của Viện để xây dựng kế hoạch cụ thể của mình, tham khảo khung chương trình đào tạo từng ngành tại website: <https://nihe.org.vn/danh-muc/nghien-cuu-khoa-hoc-dao-tao>